

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/ KDTM-ST

Ngày: 07/5/2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà :* Bà **Trần Thị Mai**

- *Các Hội thẩm nhân dân :* 1/ Ông **Trần Đình Khoa**

2/ Bà **Vũ Thị Phương Hạnh**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Vũ Thị Thảo** - Thư ký TAND Tp Bà Rịa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Anh Dũng** – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân TP Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 12/2020/TLST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2020, về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V (Viết tắt là Ngân hàng B);

Địa chỉ trụ sở: Tháp B, 35 H, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng Giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia toàn bộ quá trình tố tụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B

Địa chỉ: Số 01 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B (Quyết định số 804/QĐ-B ngày 22-8-2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V về việc ủy quyền tham gia tố tụng).

Bà Nguyễn Thanh T ủy quyền tham gia tố tụng lại cho bà Nguyễn Thị Tú N – Trưởng phòng khách hàng cá nhân (Văn bản ủy quyền số 750/1/QĐ-QLRR ngày 29/10/2020 – Bà N có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Đức H, sinh năm 1965 (có mặt) và bà Trần Thị Xuân T, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: 42/1 ấp Thanh Bình 1, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V (Viết tắt là Ngân hàng B), bà Nguyễn Thị Tú N trình bày:

- Ngân hàng B và ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016. Theo đó, Ngân hàng B cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T vay số tiền 19.950.000.000đ (Bằng chữ: Mười chín tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng); Thực tế, số tiền giải ngân là 19.850.000.000đ (Bằng chữ: Mười chín tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Để đóng mới tàu cá vỏ thép lưới rê theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP và Nghị định 89/2015/NĐ-CP.

+ Trong quá trình vay thì ông H, bà T đã thanh toán được khoản tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng); Khoản tiền nợ lãi là 145.196.482 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm tám mươi hai đồng) và khoản tiền lãi phạt là 629.218 đồng (sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm mười tám đồng)

Dư nợ tính đến hết ngày 21/4/2021 là: **20.985.407.330 đồng** (Bằng chữ: hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng). Trong đó:

- + Nợ gốc: 19.250.300.000 đồng.
 - + Lãi trong hạn: 1.611.642.496 đồng
 - + Lãi phạt: 123.464.834 đồng
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 22/5/2017.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay này là Tàu cá có Số đăng ký: BV-99972-TS, Giấy chứng nhận đăng ký số 657/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 12/9/2017 cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/8109490/HĐBĐ ngày 05/10/2017.

Trong suốt quá trình vay, ông H, bà T không trả được nợ đúng theo cam kết, do đó Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V yêu cầu:

+ Ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T phải thanh toán cho ngân hàng khoản tiền là 20.985.407.330 đồng (Bằng chữ: hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng), tính đến hết ngày 21/4/2021.

+ Ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc kể từ ngày 22/4/2021, cho đến khi ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong.

+ Trường hợp ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T không thanh toán đủ số nợ trên theo yêu cầu của Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Tàu cá có Số đăng ký: BV-99972-TS, Giấy chứng nhận đăng ký số 657/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 12/9/2017, cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T để thu hồi nợ.

[2] Trong các bản tự khai và quá trình tố tụng tại tòa, ông Lê Đức H và bà Trần Thị Xuân T trình bày:

Ông bà xác nhận về việc ký kết hợp đồng tín dụng, số tiền vay, các cam kết về thời hạn thanh toán, tài sản thế chấp cho Ngân hàng theo lời trình bày của ngân hàng là chính xác. Tuy nhiên hiện tại ông bà rất khó khăn nên trong quá trình đánh bắt được bao nhiêu sẽ thanh toán cho ngân hàng. Ông bà đề nghị ngân hàng B cho ông bà trả mỗi tháng từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa:

[3.1] Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền thụ lý: Đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS

- Về xác định tư cách những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS;

- Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành hòa giải và các thủ tục khác theo đúng quy định BLTTDS;

- Về trình tự thụ lý: Tòa thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195,196 BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử

[3.2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng B, Chi nhánh B và ông Lê Đức H, và bà Trần Thị Xuân T có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016; mục đích vay tiền của ông H, bà T là để sản xuất kinh doanh, nay có tranh chấp về hợp đồng này nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại; quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”; Tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng, hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V (Viết tắt là Ngân hàng B) yêu cầu ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T phải thanh toán cho ngân hàng khoản tiền là 20.985.407.330 đồng (Bằng chữ: hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn ba trăm ba mươi đồng), tính đến ngày 21/4/2021 và tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 22/4/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016 cho đến khi ông H, bà T trả hết nợ, thì thấy:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016, được ký kết giữa Ngân hàng và ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T thì Ngân hàng B cho ông H, bà T vay khoản tiền 19.850.000.000đ (Bằng chữ: Mười chín tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng) với thời hạn vay: 192 tháng.

+ Trong quá trình vay, ông H, bà T đã thanh toán được khoản tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng); thanh toán khoản tiền nợ lãi là 145.196.482 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm tám mươi hai đồng) và khoản tiền lãi phạt là 629.218 đồng (sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm mười tám đồng)

+ Khoản tiền lãi mà ông H, bà T phải trả là 6.691.738.410 đồng (Sáu tỉ, sáu trăm chín mươi một triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn, bốn trăm mười ngàn đồng). Tuy nhiên, vì khoản vay của ông H, bà T được nhà nước hỗ trợ về lãi suất nên được giảm khoản tiền lãi suất là 4.810.805.380 đồng (bốn tỷ, tám trăm mười triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, ba trăm tám mươi đồng). Việc Ngân hàng B yêu cầu ông H, bà T phải thanh toán khoản tiền lãi trong hạn là 1.735.107.330 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi lăm triệu, một trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng) là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 4 trong Hợp đồng tín dụng.

- Ông H, bà T cũng xác nhận khoản nợ gốc và nợ lãi như ngân hàng trình bày là chính xác nên căn cứ theo quy định tại Điều 92 BLTTDS, đây là các tình tiết mà đương sự không có nghĩa vụ chứng minh.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông H, bà T yêu cầu được trả khoản nợ trên mỗi tháng từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng phía ngân hàng không đồng ý nên giữa các bên đã xảy ra tranh chấp.

- Việc ông H, bà T đã không thanh toán đúng theo thỏa thuận là vi phạm Điều 5 của Hợp đồng tín dụng, do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ là phù hợp với thỏa thuận tại điểm 6 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016.

Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng B là có cơ sở nên chấp nhận, buộc ông H, bà T phải trả cho Ngân hàng B số tiền là 20.985.407.330 đồng (Bằng chữ: hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng). Trong đó khoản nợ gốc là 19.250.300.000 đồng; Khoản nợ lãi trong hạn là 1.611.642.496 đồng; Khoản lãi phạt là 123.464.834 đồng

- Tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 22/4/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016, được ký kết giữa Ngân hàng B, Chi nhánh B và ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T, cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng B, yêu cầu trong trường hợp ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T không thanh toán đủ số nợ thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Tàu cá có Số đăng ký: BV-99972-TS, Giấy chứng nhận đăng ký số 657/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 12/09/2017, cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T để thu hồi nợ, thì thấy:

- Ngày 05/10/2017, Ngân hàng B và ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T đã ký Hợp đồng thế chấp Số:01/2017/8109490/HĐBĐ, theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016 là Tàu cá có Số đăng ký: BV-99972-TS, Giấy chứng nhận đăng ký số 657/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 12/9/2017, cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T;

Vì ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016, nên việc Ngân hàng B yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp. Do đó yêu cầu của Ngân hàng B là có cơ sở nên chấp nhận. Trong trường hợp ông H, bà T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ khoản nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp, là Tàu cá có Số đăng ký: BV-99972-TS, Giấy chứng nhận đăng ký số 657/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 12/9/2017 cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T, theo Hợp đồng Thế chấp tài sản số 01/2017/8109490/HĐBĐ ngày 05/10/2017, để thu hồi nợ.

[2.3] Án phí KDTMST: Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng B được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông H, bà T phải chịu toàn bộ án phí trên khoản tiền phải trả cho Ngân hàng B, cụ thể như sau: 128.985.407 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm lẻ bảy đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 235; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V đối với ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T, về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

[1.1] Buộc ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V, số tiền **20.985.407.330 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng*); Trong đó: Khoản tiền nợ gốc là **19.250.300.000 đồng** (*Bằng chữ: Mười chín tỷ, hai trăm năm mươi triệu, ba trăm ngàn đồng*) và khoản tiền nợ lãi là **1.735.107.330 đồng** (*Bằng chữ: một tỷ, bảy trăm ba mươi lăm triệu, một trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng*).

[1.2] Trong trường hợp ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản là Tàu cá số 657/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 12/9/2017 cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T, để thu hồi nợ.

[1.3] Tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 22/4/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8109490/HĐTD ngày 18/02/2016, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V, Chi nhánh B và ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T cho đến khi trả hết nợ.

[2] Án phí KDTM sơ thẩm:

[2.1] Ông Lê Đức H, bà Trần Thị Xuân T phải nộp **128.985.407 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm lẻ bảy đồng*)

[2.2] Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là số tiền **63.725.000 đồng** (*Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số TU/2020/0002989 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa.

[3] Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 07-5-2021) để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP-BR;
- Thi hành án dân sự Tp BR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà
 (Đã ký)

Trần Thị Mai